TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-11-2023

V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hổ

2. Ông Trịnh Ngọc Hồng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Ấm – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 355/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Thành P, sinh năm: 1985;

Nơi cư trú: Số 192D, Khu phố B, Phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ T, sinh năm: 1986;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 192D, Khu phố B, Phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;

Nơi cư trú: Số 532B4, Khu phố B, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn ông Võ Thành P trình bày:

Ông và bà Lê Thị Mỹ T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường T, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 24/5/2007, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thì thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau dẫn đến không còn tình cảm, hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nay ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà T.

Về con chung: ông và bà Tiên có 02 con chung tên Võ Hoàng S, sinh ngày: 05/8/2007 và Võ Ngọc H, sinh ngày: 06/9/2020. Do hiện nay con chung đang sống chung với bà T nên sau khi ly hôn ông đồng ý giao các con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông và bà T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông P có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Theo bản tự khai và các văn bản, tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án, bị đơn bà Lê Thị Mỹ T trình bày:

Bà và Võ Thành P kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân Phường T, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 24/5/2007, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thì thời gian đầu cuộc sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân mâu thuẩn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau dẫn đến không còn tình cảm, hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nay bà đồng ý ly hôn với ông P.

Về con chung: bà và ông P có 02 con chung tên Võ Hoàng S, sinh ngày: 05/8/2007 và Võ Ngọc H, sinh ngày: 06/9/2020. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà và ông P không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà T có đơn xin vắng mặt tại Tòa và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre phát ý kiến giải quyết như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Thành P về việc tranh chấp ly hôn với bà Lê Thị Mỹ T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Võ Thành P khởi kiện bà Lê Thị Mỹ T yêu cầu ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị Mỹ T là bị đơn cư trú tại thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông Võ Thành P và bà Lê Thị Mỹ T có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông P và bà T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thành P và bà Lê Thị Mỹ T kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường T, thị xã BT (nay là thành phố BT), tỉnh Bến Tre vào ngày 24/5/2007, hôn nhân tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình hôn nhân, ông P và bà T đều thừa nhận có xảy ra nhiều mâu thuẫn nên cả hai thống nhất đồng ý ly hôn. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa ông P và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Võ Thành P đối với bà Lê Thị Mỹ T.

[3.2] Về con chung: Ông Võ Thành P và bà Lê Thị Mỹ T có 02 con chung tên Võ Hoàng S, sinh ngày: 05/8/2007 và Võ Ngọc H, sinh ngày: 06/9/2020. Sau khi ly hôn, ông P và bà T thống nhất đồng ý giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và ông P không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung: Ông Võ Thành P và bà Lê Thị Mỹ T cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Ông Võ Thành P và bà Lê Thị Mỹ T cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Võ Thành P phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Thành P đối với bị đơn bà Lê Thị Mỹ T về việc tranh chấp ly hôn, cụ thể tuyên:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Thành P được ly hôn với bà Lê Thị Mỹ T.

1.2. Về con chung: Giao các con chung tên Võ Hoàng S, sinh ngày: 05/8/2007 và Võ Ngọc H, sinh ngày: 06/9/2020 cho bà Lê Thị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận bà Lê Thị Mỹ T không yêu cầu ông Võ Thành P cấp dưỡng nuôi con. Ông Võ Thành P được quyền đến thăm chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Võ Thành P và bà Lê Thị Mỹ T cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Võ Thành P và bà Lê Thị Mỹ T cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Võ Thành P phải nộp nhưng được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007237 ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Ông Võ Thành P đã thực hiện xong.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Võ Thành P và bà Lê Thị Mỹ T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND Phường T, thành phố BT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Hoàng Út